

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2024/DS –PT

Ngày : 23 - 12 - 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài
sản quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P Bình Định. có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. có mặt

Đại diện theo ủy quyền của bà Loan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022) có mặt

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; có mặt

3. Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1976. vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông L : Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 26/4/2024) có mặt

4. Bà Bùi Thị Kim Li, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. vắng mặt

5. Bà Bùi Thị Hi, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 12.15K-A3 Chung cư HBP-TB, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt

6. Bà Bùi Thị Á , sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện Cc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. vắng mặt

7. Bà Bùi Thị Lo, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. vắng mặt

8. Ông Bùi Xuân Ho, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ 49, khu phố 9A, phường D, tỉnh Bình Định. vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của bà Hi, bà Á, bà Lo, ông Ho: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022) có mặt

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Phlà bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo của ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 14/6/2018 hộ bà Nguyễn Thị C chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L thửa đất màu số 40, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa 70, tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLap), diện tích 637,6m², vị trí thửa đất tại thôn Chánh Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, đã làm thủ tục sang tên, Nhà nước đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông H, bà L theo Giấy chứng nhận số phát hành CN485569, số vào sổ CS07673 ngày 02/8/2018. Trước khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, gia đình bà C có cho vợ chồng ông Trần Văn Ph, bà Bùi Thị Kim Li thuê thửa đất nói trên trồng bạch đàn, thời hạn thuê hết năm 2014. Năm 2018 hộ bà Công chuyển nhượng thửa đất nói trên

cho vợ chồng ông H. Bà C yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Li thu dọn bạch đàn để giao trả đất cho vợ chồng ông H nhưng ông Ph, bà Li không thực hiện. Vợ chồng ông H cũng đã nhiều lần yêu cầu ông Ph bà Li nhưng không thực hiện, vẫn chiếm đất trồng bạch đàn, đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông Hường. Nay ông Hường yêu cầu vợ chồng ông Phước, bà Liên phải thu dọn, chặt toàn bộ số cây bạch đàn đang trồng trên thửa đất nói trên để trả lại đất cho vợ chồng ông Hường.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Trần Văn Ph trình bày:

Thửa đất ông H đang tranh chấp, ông Ph thừa nhận nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị C, nhưng khoảng năm 2000 ông Bùi Xuân L con trai bà C đã bán cho ông Ph với giá 400.000 đồng, ông Ph đã giao đủ tiền cho ông L, nhưng khi viết giấy ông L không viết giấy bán đất mà lại viết cho ông Ph mượn đất, thời hạn mượn hết thời hạn Nhà nước giao quyền cho hộ bà C, giấy bán đất ông L viết bản chính hiện nay ông Ph đang giữ. Năm 2016 bà C có nhận thêm của ông Ph 1.000.000 đồng. Sau khi mua thửa đất, ông Ph và vợ bà Bùi Thị Kim Li trồng bạch đàn, đã khai thác nhiều lúa. Hiện Bạch đàn ông Ph vẫn còn trên thửa đất nói trên. Vì thửa đất ông Lành đã bán cho ông Ph nên nay thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph, ông Ph không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của vợ chồng ông H và không chấp nhận thu dọn bạch đàn để trả đất theo yêu cầu của vợ chồng ông H.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H bà thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Hộ bà C được Nhà nước giao quyền sử dụng đất thửa đất màu, thửa số 40, tờ bản đồ số 10, diện tích 549m², GCNQSDĐ số phát hành: B 863654 ngày 26/5/1995, vị trí thửa đất tại thôn Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. Tháng 6/2018 hộ bà đã chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L ở thôn Chánh Nhơn, xã Cát Nhơn. Trước khi chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông H, bà L thửa đất nói trên gia đình bà Công có cho vợ chồng ông Trần Văn Ph bà Bùi Thị Kim Li thuê trồng bạch đàn, thời hạn thuê đến hết năm 2014. Năm 2018, hộ bà chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông H, bà L. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Ph thu dọn bạch đàn để trả đất cho vợ chồng ông H, nhưng đến hôm nay vợ chồng ông Ph vẫn không trả đất. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện đòi đất của vợ chồng ông H, bà L

yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ph, bà Li phải thu dọn toàn bộ số cây bạch đàn đang trồng trên thửa đất nói trên để trả đất cho vợ chồng ông H, bà L sử dụng. Bà không có nhận thêm 1.000.000 đồng của ông Ph năm 2016 như lời ông Ph trình bày.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân L trình bày:

Năm 2006 ông có viết giấy cho ông Trần Văn Ph mượn thửa đất màu thửa số 40, tờ bản đồ số 10 của hộ bà C, thời hạn cho mượn hết thời hạn Nhà nước giao quyền (hết năm 2014). Giá thuê mỗi năm 50.000 đồng, thời hạn thuê 08 năm là 400.000 đồng. Ông Ph đã giao 400.000 đồng cho ông. Sau khi thuê đất, vợ chồng ông Ph, bà Li trồng bạch đàn. Khi hết thời hạn thuê, ông và mẹ là bà Công đã yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Liên thu dọn bạch đàn để trả đất, nhưng vợ chồng ông Ph, bà Li không trả. Năm 2018 hộ gia đình bà C đã chuyển nhượng thửa đất nói trên cho vợ chồng ông H, bà L. Thửa đất nay thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông H, bà L. Ông thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của vợ chồng ông H, bà L. Ông yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Li phải thu dọn chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn đang trồng trên thửa đất nói trên để trả lại đất cho vợ chồng ông H, bà L được quyền sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ph và bà Bùi Thị Kim Li phải có nghĩa vụ thu dọn, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn đang trồng trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 7 (theo bản đồ VLap) với diện tích 637,6m² (loại đất trồng cây hàng năm khác), tại thôn Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định để trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, ông Trần Văn Ph kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Ông Trần Văn Ph yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Về việc Đối với giấy mượn đất ông L viết không có ngày tháng năm. Do đó, nếu cấp lại đối với thửa đất đang tranh chấp thì ông L phải sang tên cho

ông Trần Văn Ph đứng tên chủ đất (vì bà Công đã lấy thêm tiền sang nhượng thửa đất là 1.000.000 đồng); Ông H đã làm sổ đỏ đứng tên thửa đất mà ông Trần Văn Ph đã mua và trồng cây là sai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Ph và căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L tự nguyện xin nhận 400 cây bạch đàn do ông Trần Văn Ph trồng và chấp nhận hỗ trợ thối lại 15.600.000 đồng theo biên bản định giá ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát cho ông Trần Văn Ph. Ông Trần Văn Ph phải giao 400 cây bạch đàn cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị L quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Ph HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Năm 1995, hộ gia đình bà Nguyễn Thị C được UBND huyện Phù Cát giao quyền sử dụng thửa đất màu số thửa 40, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ năm 1994) với diện tích theo giấy chứng nhận 549m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: B863654, số vào sổ:../QSĐĐ ngày 26/5/1995, vị trí thửa đất: Tại thôn Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định; tờ bản đồ số 7, có diện tích thực tế 637,6m². Năm 2006 ông Bùi Xuân Lành (con bà Công) có viết giấy cho ông Trần Văn Ph ở thôn Thôn C, xã N, huyện P thửa đất trên, thời hạn thuê: Hết thời hạn Nhà nước giao quyền (hết ngày 31/12/2014); giá thuê là 400.000 đồng cho cả thời hạn thuê. Nội dung thuê đất đã được thể hiện trong “Giấy cho thuê mướn” do ông Lành viết, ông Ph cung cấp cho Tòa (BL:46). Mặc dù trong “Giấy cho thuê mướn đất” không ghi ngày tháng năm cho thuê. Nhưng qua lời khai của ông L trình bày giá ông cho thuê mỗi năm 50.000 đồng nhân 8 năm thuê bằng 400.000 đồng, ông L xác định năm ông viết giấy cho ông Ph thuê đất là năm 2006. Sau khi thuê đất, vợ chồng ông Ph, bà Bùi Thị Kim Li trồng bạch đàn thu hoạch nhiều lứa. Hết thời hạn Nhà nước giao quyền, hộ bà Công đã được Nhà nước cho gia hạn sử dụng đất đến năm 2064. Ngày 14/6/2018, hộ bà C lập hợp đồng chuyển nhượng QSĐĐ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L theo đúng thủ tục Nhà nước quy định. Vợ chồng ông H, bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCNQSĐĐ số phát hành CN485569, số vào sổ CS07673 cấp ngày 02/8/2018, có số thửa số 70, tờ bản đồ số 7, diện tích theo GCN:637,6m²,

mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng ngày 31/12/2064. Theo kết quả xem xét, thửa đất này có diện tích thực tế 637,6m² trùng với diện tích được cấp GCN cho vợ chồng ông H . Trước khi chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông H , bà L , bà C đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Ph , bà Li thu dọn bạch đàn trả lại đất cho bà C vì đã hết thời hạn thuê đất nhưng ông Ph , bà Li vẫn không thực hiện. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông H , bà L cũng đã nhiều lần yêu cầu ông Ph , bà Li thu dọn bạch đàn, trả đất cho vợ chồng ông H nhưng ông Ph , bà Li vẫn không thực hiện. Nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph , bà Li phải thu dọn, chặt toàn bộ số cây bạch đàn đang trồng trên thửa nói trên để trả lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H , bà Huỳnh Thị L .

Xét các yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013 và các Điều: 163, 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ: Thửa đất nói trên ông Ph chỉ thuê sử dụng đến hết thời hạn năm 2014, hết năm 2014 ông Ph , bà Li phải có nghĩa vụ trả lại đất cho chủ sử dụng hợp pháp là hộ bà C vì hộ bà Công đã được Nhà nước tiếp tục cho gia hạn quyền sử dụng đất đến năm 2064, ông Ph , bà Li không thực hiện nghĩa vụ trả đất, vẫn tiếp tục canh tác khi đã hết thời hạn thuê đất là xâm phạm đến quyền sử dụng của hộ bà C . Năm 2018 hộ bà Công đã chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông H , bà L . Ông H , bà L đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ nên chủ sử dụng thửa đất hợp pháp từ năm 2018 đến nay là vợ chồng ông H , bà L . Ông Ph , bà Li không thu dọn bạch đàn trả lại thửa đất cho vợ chồng ông H , bà L oan sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông H , bà L . Vì vậy, căn cứ quy định tại các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của vợ chồng ông H . Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông H , bà L tự nguyện chấp nhận, xin nhận 400 cây bạch đàn do ông Trần Văn Ph trồng và chấp nhận hỗ trợ thối lại 15.600.000 đồng cho ông Trần Văn Ph , bà Bùi Thị Kim Li theo biên bản định giá ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát và buộc ông Trần Văn Ph , bà Bùi Thị Kim Li phải trả lại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 7, diện tích 637,6m² đất trồng cây hàng năm khác cùng 400 cây bạch đàn do ông Trần Văn Phước, bà Bùi Thị Kim Liên trồng trên thửa đất tại thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông H , bà L quản lý sử dụng. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần này

Ông Trần Văn Ph cho rằng hộ bà Công đã bán thửa đất nói trên cho ông Ph không phải cho thuê nhưng ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho việc hộ bà C bán, đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Ph , nên yêu cầu này của ông Ph không được Hội đồng xét xử chấp nhận là đúng. Ông Ph cho rằng bà C có nhận thêm của ông Ph 1.000.000 đồng, bà C không thừa nhận điều này, cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc bà C có nhận của ông Ph thêm 1.000.000 đồng nên lời nại của ông Ph không được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là đúng

quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn Phư không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Ph .

Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[2.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Trần Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006846 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Ph , sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013, khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Ph . Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định về phần vợ chồng ông Nguyễn Văn H , bà Huỳnh Thị L xin nhận 400 cây bạch đàn do ông Trần Văn Phư trồng trên thửa đất và vợ chồng ông Nguyễn Văn H , bà Huỳnh Thị L chấp nhận hỗ trợ thối lại số tiền 15.600.000 đồng cho ông Trần Văn Ph , bà Bùi Thị Kim Li .

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Hường.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ph và bà Bùi Thị Kim Li phải có nghĩa vụ trả quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 7 (theo bản đồ VLap) với diện tích 637,6m² (loại đất trồng cây hàng năm khác) cùng 400 cây bạch đàn do ông Trần Văn Phước, bà Bùi Thị Kim Liên trồng trên thửa đất, tại thôn Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H , bà Huỳnh Thị L quản lý sở hữu sử dụng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải có trách nhiệm hỗ trợ thối lại giá trị 400 cây bạch đàn cho ông Trần Văn Ph , bà Bùi Thị Kim Li số tiền 15.600.000 đồng vì do ông Trần Văn Ph và bà Bùi Thị Kim Li trồng trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 7 (theo bản đồ VLap) với diện tích 637,6m² (loại đất trồng cây hàng năm khác), tại thôn Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định .

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Phước phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009108 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

3.2 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản sơ thẩm là 12.000.000 đồng

- Buộc ông Trần Văn Ph phải chịu 2.400.000 đồng
- Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 2.400.000 đồng
- Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu 2.400.000 đồng
- Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.400.000 đồng
- Buộc ông Bùi Xuân L phải chịu 2.400.000 đồng.

Số tiền 12.000.000 đồng này ông Nguyễn Văn H tạm ứng đã chi xong. Buộc ông Ph , bà L , bà C , ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H mỗi người 2.400.000 đồng.

3.3 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006846 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;
- CCTHADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

